

## BÁO CÁO 6 THÁNG

Năm: 2025

### I. THÔNG TIN CHUNG:

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Trung học cơ sở Lê Lai, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử):**

- Địa chỉ: Số 236, Bình Đông, Phường 15, Quận 8
- Số điện thoại: (028) 38555520
- Email: c2lelaiq8.tphcm@moet.edu.vn
- Trang web: <https://thcslelai.hcm.edu.vn>

**3. Loại hình của cơ sở giáo dục:** Công lập.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:**

a) Sứ mệnh: Trường Trung học cơ sở Lê Lai là ngôi trường hiện đại, năng động, sáng tạo.

- Giúp học sinh phát huy hết giá trị, vốn sống của mình; biết cách làm chủ việc học, cuộc sống và thế giới xung quanh mình.

- Giúp học sinh phát triển toàn diện theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất công dân toàn cầu.

b) Tầm nhìn: Trường Trung học cơ sở Lê Lai là một trong những trường có chất lượng giáo dục toàn diện cao trong Quận 8, được cha mẹ học sinh tin tưởng lựa chọn để học tập và rèn luyện; là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

c) Mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp điều kiện thực tế địa phương; rà soát, đánh giá thường xuyên chương trình, sách giáo khoa; đảm bảo nội dung dạy học đạt

yêu cầu cơ bản, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

- Tăng cường các giải pháp để tiếp tục giảm tỷ lệ học sinh yếu kém, học sinh bỏ học; tăng tỉ lệ học sinh khá, giỏi.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học các môn học khác.
- Đổi mới nội dung dạy học và học môn tin học ở các khối lớp theo hướng hiện đại, thiết thực.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:**

- Trường Trung học cơ sở Lê Lai được thành lập từ năm 1996, tổng diện tích khuôn viên của nhà trường là 5.900 m<sup>2</sup>.
- Công tác quản lí chất lượng luôn là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo nhà trường và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ cán bộ quản lí đến các tổ chuyên môn.
- Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh.

### **6. Thông tin người đại diện pháp luật để liên hệ:**

- Họ và tên: thầy Nguyễn Hoàng Dũng. Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 236, Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 0981439473. Địa chỉ thư điện tử: nhd1973@gmail.com

### **7. Tổ chức bộ máy:**

- a) Quyết định thành lập của cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Lê Lai được thành lập từ năm 1996 (theo Quyết định số 3607/QĐ-UB ngày 26 tháng 9 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Quận 8).
- b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định số 6312/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân Quận 8 về việc thành lập Hội đồng trường Trung học cơ sở Lê Lai nhiệm kỳ 2024 - 2029.
- c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:
  - Thầy Nguyễn Hoàng Dũng, Hiệu trưởng: Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 6 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý.
  - Cô Ngô Thanh Tâm, Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày

06 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý.

- Thầy Lê Văn Năm, Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 3837/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 Quyết định về điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Nhà trường có ban hành Quyết định về quy chế tổ chức và hoạt động của trường Trung học cơ sở Lê Lai.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy:

+ Bí thư Chi bộ: đồng chí Nguyễn Hoàng Dũng

+ Phó Bí thư Chi bộ: đồng chí Ngô Thanh Tâm

+ Hiệu trưởng: thầy Nguyễn Hoàng Dũng

+ Phó Hiệu trưởng: cô Ngô Thanh Tâm, thầy Lê Văn Năm

+ Chủ tịch Hội đồng trường: thầy Nguyễn Hoàng Dũng

+ Chủ tịch Hội khuyến học: thầy Nguyễn Hoàng Dũng

+ Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ: thầy Nguyễn Hoàng Dũng

+ Chủ tịch Công đoàn: cô Thái Hồng Dũng

+ Bí thư Chi đoàn: thầy Nguyễn Minh Hiền

+ Tổng phụ trách Đội: bà Nguyễn Thị Ánh Trúc.

+ Tổ trưởng các tổ chuyên môn và văn phòng: thầy Võ Văn Tuấn (Tổ trưởng Tổ Ngữ văn), cô Lê Mỹ Phấn (Tổ trưởng Tổ Toán), cô Phùng Thị Thanh Hiền (Tổ trưởng Tổ Anh văn), thầy Lê Quyết Tiến (Tổ trưởng Tổ Tin - CN), cô Nguyễn Ngọc Hằng (Tổ trưởng Tổ KHTN), cô Trần Thị Kim Phụng (Tổ trưởng Tổ Sử - Địa - GDCD), thầy Lê Văn Hải (Tổ trưởng Tổ thể dục), thầy Thái Hồng Dũng (Tổ trưởng Tổ Nghệ thuật), cô Phạm Duy Mỹ Uyên (Tổ trưởng Tổ Văn phòng).

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên: Không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có): Không có

### **8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:**

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Kế hoạch số 145/KH-LL ngày 25

tháng 3 năm 2025 của Trường Trung học cơ sở Lê Lai về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 - 2030.

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Kế hoạch số 292/KH-LL ngày 05 tháng 9 năm 2024 về hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2024 – 2025.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở: Kế hoạch số 491/KH-LL ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Lê Lai về thực hiện Quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử, tổ chức tiếp xúc, đối thoại của cán bộ, viên chức, người lao động năm 2024.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:**

**1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:**

- Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: 03 (01 Đại học, 02 Thạc sĩ)

- Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp: 64 (07 Thạc sĩ, 57 Đại học)

- Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động chuyên môn dùng chung: 04 (02 Đại học, 02 Trung cấp)

- Nhân viên làm nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ: 08 người.

+ Bảo vệ: 04 người;(hợp đồng ngoài);

+ Phục vụ: 04 người (hợp đồng ngoài);

**2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 70 - tỷ lệ 100%.**

**3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 70 - tỷ lệ 100%.**

## **III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:**

**1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:**

- Tổng diện tích khuôn viên của nhà trường là 5.900 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại số 236 Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường gồm 01 cổng chính và 01 cổng phụ.

- Biển tên trường được đặt ở vị trí phù hợp kiên cố, xung quanh trường có hệ thống tường rào bảo vệ đảm bảo an toàn, tạo điều kiện tốt cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh.

- Trong khuôn viên nhà trường khu sân chơi có cây xanh và lưới che nắng, đảm

bảo vệ sinh và thẩm mỹ có đủ thiết bị tối thiểu đảm bảo an toàn luyện tập.

**2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:**

TT	Số liệu	Năm học 2024 - 2025	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập</b>	<b>58</b>	
<b>1</b>	<b>Phòng học</b>	<b>37</b>	
A	Phòng kiên cố	37	
B	Phòng bán kiên cố	0	
C	Phòng tạm	0	
<b>2</b>	<b>Phòng học bộ môn</b>	<b>8</b>	
A	Phòng kiên cố	8	
B	Phòng bán kiên cố	0	
C	Phòng tạm	0	
<b>3</b>	<b>Khối phục vụ học tập</b>	<b>02</b>	
A	Phòng kiên cố	02	
B	Phòng bán kiên cố	0	
C	Phòng tạm	0	
<b>II</b>	<b>Khối phòng Hành chính - Quản trị</b>		
1	Phòng kiên cố	10	
2	Phòng bán kiên cố	0	
3	Phòng tạm	0	
<b>III</b>	<b>Thư viện</b>	<b>01</b>	

**3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:**

- Số thiết bị dạy học hiện có:

Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Ngữ văn	52	
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Toán	37	Toán - Tin
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Ngoại ngữ	193	
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục công dân	37	GDCD -

		HĐTN - GDQP
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lý	160	
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Khoa học tự nhiên	197	
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Công nghệ	58	
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Tin học	37	Toán - Tin
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục thể chất	589	
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Nghệ thuật	272	
Thiết bị dạy học tối thiểu Hoạt động trải nghiệm	37	GDCD - HĐTN - GDQP
Thiết bị dạy học tối thiểu Thiết bị dùng chung	316	
Thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục quốc phòng và An ninh	37	GDCD - HĐTN - GDQP
Bàn ghế	1120	

- Đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định.

**4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:**

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

**a) Khối 6:**

STT	Tên sách	NXB
1	Ngữ văn 6, tập một - Ngữ văn 6, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6, tập một - Toán 6, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6 Friends plus	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 6 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 6 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 6 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 6 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 6 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam

9	Tin học 6 (Cánh diều)	Đại học Sư phạm
10	Công nghệ 6 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam

**b) Khối 7:**

STT	Tên sách	NXB
1	Ngữ văn 7, tập một - Ngữ văn 7, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 7, tập một - Toán 7, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 7 Friends plus	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 7 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 7 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 7 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 7 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 7 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 7 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Giáo dục Việt Nam

**c) Khối 8:**

STT	Tên sách	NXB
1	Ngữ văn 8, tập một - Ngữ văn 8, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 8, tập một - Toán 8, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 8 Friends plus	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 8 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam

6	Giáo dục công dân 8 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 8 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 8 (Chân trời sáng tạo 1)	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 8 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 8 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Chân trời sáng tạo 1)	Giáo dục Việt Nam

**d) Khối 9:**

STT	Tên sách	NXB
1	Ngữ văn 9, tập một - Ngữ văn 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 9, tập một - Toán 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 9 <i>Friends Plus</i>	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 9 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 9 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 9 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 9 (Chân trời sáng tạo 1)	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 9 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
12	Giáo dục thể chất 9 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Chân trời sáng tạo 1)	Giáo dục Việt Nam

- Số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 13.

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:**

- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số 1574-69/QĐ-SGDĐT ngày 25/6/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường được công nhận đạt chuẩn quốc giá mức độ 1 theo Quyết định số 3400/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Chủ tịch ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kế hoạch số 291/KH-LL ngày 5 tháng 9 năm 2024 về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo năm học 2024-2025 và 2 năm tiếp theo.

- Kế hoạch số 290/KH-LL ngày 5 tháng 9 năm 2024 về Cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025 của Trường Trung học cơ sở Lê Lai.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

### 1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

#### a) Thống kê số lượng:

- Kết quả tuyển sinh:

+ Số lượng học sinh đầu lớp 10: *Tính đến ngày 20/6/2025 Sở GD ĐTTPHCM chưa công bố (Sẽ có công khai bổ sung).*

+ Số lượng học sinh không đầu lớp 10: *Tính đến ngày 20/6/2025 Sở GD ĐTTPHCM chưa công bố (Sẽ có công khai bổ sung).*

- Tổng số học sinh (tính đến ngày 20/6/2025 là 1.571 học sinh): Khối 6: 376 học sinh, Khối 7: 393 học sinh, Khối 8: 403 học sinh, Khối 9: 345 học sinh.

- Số học sinh bình quân/lớp: Khối 6: 41,78/lớp, Khối 7: 39,30/lớp, Khối 8: 40,3/lớp, Khối 9: 43,23/lớp.

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 1.517 học sinh.

- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ: 723/794 học sinh

- Học sinh là người dân tộc thiểu số: 157 học sinh.

- Học sinh khuyết tật: 11 học sinh.

- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: 73 học sinh chuyển trường đi và 07 học sinh tiếp nhận học tại trường.

#### b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

\* **Kết quả 2 mặt cả năm, năm học 2024 – 2025 (sau kiểm tra lại):**

- **Xếp loại học lực/ KQ học tập:**

Khối	Số lượng HS	TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL
Lớp 6	376	148	39.36	132	35.11	92	24.47	4	1.06

Lớp 7	393	141	35.88	163	41.48	88	22.39	1	0.25
Lớp 8	403	144	35.73	193	47.89	66	16.38		
Lớp 9	345	126	36.52	159	46.09	60	17.39		
Tổng cộng	1517	559	36.85	647	42.65	306	20.17	5	0.33

**- Xếp loại hạnh kiểm/ KQ rèn luyện:**

Khối	Số lượng HS	TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL
Lớp 6	376	343	91.22	28	7.45	5	1.33		
Lớp 7	393	370	94.15	23	5.85				
Lớp 8	403	383	95.04	20	4.96				
Lớp 9	345	313	90.72	32	9.28				
Tổng cộng	1517	1409	92.88	103	6.79	5	0.33		

Danh hiệu đạt của HS lớp 6: HS Xuất sắc 51 HS (13,56%) và HSG là 97 HS (25,80%)

Danh hiệu đạt của HS lớp 7: HS Xuất sắc 49 HS (12,47%) và HSG là 92 HS (23,41%)

Danh hiệu đạt của HS lớp 8: HS Xuất sắc 53 HS (12,15%) và HSG là 91 HS (22,58%)

Danh hiệu đạt của HS lớp 9: HS Xuất sắc 35 HS (10,14%) và HSG là 91 HS (26,38%)

Toàn trường: Danh hiệu HS Xuất sắc: 188 HS (12,39%) và HSG là 371 HS (24,46%)

**c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 345 học sinh.**

- Học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 345 học sinh.

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: *Tính đến ngày 20/6/2025 chưa có thống kê (Sẽ có công khai bổ sung).*

**2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không có.**

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:**

**1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:**

### **a) Các khoản thu phân theo:**

Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác):

- Thực hiện theo Công văn số 3335/UBND-PGDĐT ngày 03/10/2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc chấp thuận mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận 8 năm học 2024 - 2025.

- Tất cả các khoản thu đều có sử dụng chứng từ, có lập bảng tổng hợp thu tiền, lập bảng kê các khoản thu chuyên khoản, ghi chép đầy đủ nội dung theo quy định; nguồn thu được chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và kho bạc nhà nước để quản lý, sử dụng theo quy định. Chứng từ kế toán sắp xếp theo quý, sử dụng chứng từ Quyết toán đúng mẫu quy định.

### **b) Các khoản chi phân theo:**

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Trường thực hiện chi các nguồn không vượt mức quy định so với Quy chế chi tiêu nội bộ.

**2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:**

- Thông báo số 360/TB-LL ngày 11/10/2024 của Trường Trung học cơ sở Lê Lai về Chính sách miễn, giảm tiền học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025.

- Thực hiện công khai : Dán công trường, bảng tin trường, đến 37 chủ nhiệm lớp, đưa web trường, hệ thống liên lạc điện tử, tại cuộc họp họp phụ huynh học sinh lần I ngày 22 tháng 10 năm 2024

**3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):** Không có.

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:**

- Thực hiện công tác tự kiểm tra tại đơn vị:

+ Kế hoạch số 23/KH-LL ngày 12 tháng 01 năm 2024 của trường THCS Lê Lai về công tác tự kiểm tra tài chính kế toán năm 2024.

+ Tổ kiểm tra tài chính kế toán định kỳ, hàng năm. Nội dung kiểm tra gồm: các sổ sách của kế toán và thủ quỹ, chứng từ thu, chi; quản lý sử dụng các nguồn quỹ; quản lý sử dụng công cụ, dụng cụ; quản lý quỹ tiền gửi, tiền mặt.

- Tăng cường trách nhiệm giải trình của trường.

- Thông tin công khai bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

- Thực hiện công khai thông tin về các biểu mẫu đầy đủ, chính xác trên trang web trường cũng như trên niêm yết đầy đủ trên bảng tin của đơn vị.

- Trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024 - 2025, năm học 2025 - 2026 nhà trường cần duy trì và phát huy thành tích.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo PGD Quận 8;

- Lưu: VT.



**Nguyễn Hoàng Dũng**